GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỐI VỚI HỆ THỐNG KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Trần Ngô Trung Nghĩa - Nguyễn Kiều Trang

Bài viết, phân tích khái quát thực trạng chuyển đổi số đối với hệ thống kế toán của các doanh nghiệp Việt Nam trong những năm gần đây; đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện chuyển đổi số đối với hệ thống kế toán của các doanh nghiệp Việt Nam. Từ đó, đề xuất giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số đối với hệ thống kế toán của các doanh nghiệp này, nhằm tạo sự phát triển bền vững và hợp xu thế thời đại.

• Từ khóa: *chuyển đổi số; thực trạng chuyển đổi số đối với hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam; kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân hạn chế.*

This article provides an overview of the current state of digital transformation in the accounting systems of Vietnamese businesses in recent years; it assesses the achievements, limitations, and causes of these limitations in the implementation of digital transformation in the accounting systems of Vietnamese businesses. Based on this, it proposes solutions to promote digital transformation in the accounting systems of these businesses, aiming for sustainable development and alignment with modern trends.

• Key words: *digital transformation; current state of digital transformation in Vietnamese business accounting systems; achievements, limitations, and causes of limitations.*

Ngày nhận bài: 05/3/2026
Ngày gửi phản biện: 18/4/2026
Ngày duyệt đăng: 15/5/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i313.13

Giới thiệu

Trong bối cảnh chuyển đổi số (CĐS) đang trở thành xu hướng tất yếu và là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển đối với các doanh nghiệp trên toàn cầu. Ở nước ta, quá trình CĐS không chỉ diễn ra trong hoạt động SXKD mà còn tác động sâu sắc đến công tác quản trị và hệ thống kế toán của các doanh nghiệp. Với vai trò là bộ phận cung cấp thông tin tài chính phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị, nhà đầu tư và các bên liên quan, hệ thống kế toán trong các DN đang đứng trước yêu cầu phải đổi mới để thích ứng với môi trường số hóa ngày càng phát triển. CĐS không chỉ giúp tự động hóa quy trình xử lý dữ liệu kế toán mà còn góp phần nâng cao chất lượng thông tin, tăng tính minh bạch, kịp thời và sự chính xác của BCTC. Đồng thời, việc tích hợp các phầm mềm và nền tảng số giúp DN tối ưu hóa quy trình kiểm soát nội bộ, giảm thiểu sai sót và nâng cao hiệu quả quản trị tài chính. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích mang lại, CĐS cũng mang gặp nhiều khó khăn, thách thức đối với hệ thống kế toán, chẳng hạn như yêu cầu về hạ tầng công nghệ, bảo mật dữ liệu, trình độ nhân sự kế toán và khả năng thích ứng với môi trường số của các DN. Thực tế cho thấy, mức độ CĐS trong các doanh nghiệp hiện nay còn nhiều khác biệt giữa các ngành nghề và quy mô doanh nghiệp, đặc biệt là các DNNVV. Nhiều DN vẫn gặp nhiều khó khăn về công nghệ, thay đổi quy trình làm việc và nâng cao kỹ năng số cho nhân viên kế toán, Điều này, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả vận hành của hệ thống thông tin cung cấp cho các đối tượng sử dụng. Xuất phát từ những vấn đề trên, bài viết này được thực hiện nhằm phân tích khái quát thực trạng chuyển đổi số; những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân hạn chế đối với hệ thống kế toán trong các doanh nghiệp Việt Nam, từ đó đề xuất giải pháp thúc đẩy CĐS nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ số trong hoạt động kế toán, góp phần tăng cường năng lực năng quản trị và nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh ghiệp trong nền kinh tế số.

1. Khái quát thực trạng chuyển đổi số trong hệ thống kế toán doanh nghiệp

Dưới đây trình bày và phân tích một số nội dung liên quan đến thực trạng CĐS trong hệ thống kế toán của các doanh nghiệp Việt Nam, đó là:

Thứ nhất, *về sử dụng phầm mềm kế toán, hóa đơn điện tử, phần mềm ERP.*

Theo Bộ Thông tin & Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ), VCCI, USAID và một số tổ chức tư vấn độc lập cho thấy, hiện nay có khoảng 60%-70% DN tại Việt Nam đã có những nhận thức nhất định về chuyển đổi số. Một số lĩnh vực chuyên môn đã có

sự chuyển biến tích cực được số hóa như: lĩnh vực kế toán, tài chính, bán hàng, marketing; nhiều DN đã tiếp cận thương mại điện tử, fanpage, zalo OA, sàn Shopee, Tiki, Lazada để bán hàng và sử dụng các ứng dụng phổ biến trong CĐS, cụ thể theo bảng số liệu dưới đây:

Bảng 1. Các ứng dụng CĐS sử dụng trong doanh nghiệp (%)

	Không thực hiện	Có thực hiện	Trong đó			
			Tốt	Khá	TB	Yếu
Phần mềm kế toán	8	>92,00	21,40	33,75	11,85	0
Hóa đơn điện tử	0	100,00	67,09	24,42	8,53	0
Kê khai thuế điện tử	0	100,00	85,50	6,80	7,70	0
Số hóa lưu trữ sổ, chứng từ kế toán	53,50	46,50	1,50	20,20	75,80	2,50
Tự động hóa kế toán, phân tích dữ liệu	88,00	12,00	0,00	4,50	95,00	0,50
Điện toán đám mây	88,70	11,30	1,55	4,30	2,94	2,51
Blockchain	97,62	2,38	0,50	1,10	0,70	0,80
Trí tuệ nhân tạo (AI)	79,60	20,40	5,52	6,35	5,60	2,93
Hệ thống hoạch định nguồn nhân lực (ERP)	87,32	12,68	2,75	3,10	4,75	2,08
Tự động hóa bằng Robot	100,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Dự liệu lớn (Big Data)	78,65	21,35	4,82	4,98	5,02	6,53
Internet vạn vật (IoT)	87,30	12,70	3,82	4,03	2,84	2,01
Ngôn ngữ BCKD	93,50	6,50	1,98	2,01	1,85	0,66

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Kết quả trên bảng cho thấy, có một số ứng dụng mà các DN thuộc lĩnh vực TMDV, đặc biệt là thương mại bán lẻ đã sử dụng như HĐĐT, kê khai thuế 100%; ứng dụng phần mềm kế toán 92%); số hóa lưu trữ sổ kế toán và chứng từ kế toán có 46,5% DN thực hiện. Đây thường là những DN mà lãnh đạo có quyết tâm cao, DN có khả năng tốt về tài chính và trình độ công nghệ của nhân viên tốt, còn hầu hết các ứng dụng mới rất ít DN thực hiện, thậm trí có ứng dụng như: tự động hóa bằng Robot 100% DN không thực hiện; các ứng dụng ít sử dụng như: Blockchain chỉ có 2,38% DN thực hiện; tự động hóa kế toán và phân tích dữ liệu có 12% DN; điện toán đám mây có 11,3% DN, Internet vạn vật (IoT) có 12,7%; Hệ thống hoạch định nguồn nhân lực (ERP) có 12,68%...(ERPVIET: Thực trạng sử dụng ERP tại Việt Nam và bức tranh thị trường ERP).

Các ứng dụng mà các DN đã sử dụng được đánh giá theo 4 mức: tốt, khá, trung bình và yếu. Kết quả cho thấy, những ứng dụng mà Nhà nước đã có hướng dẫn cụ thể và mang tính bắt buộc thì được các DN thực hiện khá tốt như: kê khai điện tử, có đến 92,3% thực hiện khá trở lên; HĐĐT là 91,47% thực hiện khá trở lên; phần mềm kế toán thực hiện khá trở lên là 88,15%. Bên cạnh đó, nhiều DN thực hiện một số ứng dụng mới chưa đạt hiệu quả cao, chẳng hạn như: ứng dụng tự động hóa kế toán, phân tích dữ liệu chỉ có 4,5% DN đạt khá, 95% DN đạt ở mức trung bình và 0,5% DN đạt ở mức yếu; số hóa lưu trữ sổ, chứng từ kế toán có 21,7% DN khá trở lên, trong khi đó tỷ lệ yếu là 2,5% DN; hệ thống hoạch định nguồn nhân lực (ERP) có 5,85% DN đạt khá trở lên, trong khi đó có 2,08% DN yếu;…

Các dữ liệu trên đây thể hiện, việc sử dụng các ứng dụng CĐS đối với hệ thống kế toán tại các DN Việt Nam hiện còn ở mức độ rất hạn chế; có những ứng dụng mà tất cả các DN đều không nhận biết được, như tự động hóa bằng Robot, Blockchain, ngôn ngữ báo cáo kinh doanh là 68,87%; trí tuệ nhân tạo là 62,11%... Điều này, gây khó khăn không nhỏ cho quá trình chuyển đổi số tại các DN thuộc loại hình này.

Thứ hai, *về năng lực số của nhân viên kế toán*

Hiện nay, hầu hết nhân viên kế toán của các DN biết sử dụng ít nhất 1 phần mềm kế toán; trên 80% sử dụng phần mềm thuế điện tử như eTax, iHTKK, HĐĐT; thích nghi nhanh với những quy định của Nhà nước về số hóa. Các DN luôn quan tâm bồi dưỡng, đào tạo kiến thức chuyên môn và công nghệ thông tin để nâng cao cao kỹ năng sử dụng các phần mềm công nghệ; một bộ phận nhân viên đã biết sử dụng công cụ phân tích dữ liệu như Powei BI, Google Data Studio; khoảng 5%-7% DN đã bố trí nhân viên chuyên trách về công nghệ thông tin. Tuy nhiên, vẫn còn khá lớn tỷ lệ nhân viên kế toán tại các DN còn rất hạn chế về kiến thức về công nghệ số và tư duy số; một bộ phận lớn nhân viên kế toán gặp nhiều khó khăn khi chuyển từ môi trường thủ công sang môi trường số; vẫn mang nặng tư duy ghi chép kế toán theo phương pháp truyền thống; chưa biết nhiều về sử dụng công nghệ mới, đặc biệt là không có khả năng phân tích dữ liệu phục vụ cho quản trị doanh nghiệp; khó thích ứng với mô hình tích hợp chuyển đổi số toàn diện; chưa có kỹ năng xử lý rủi ro khi làm việc trên nền tảng đám mây hoặc chia sẻ file qua Internet; nhận thức về rủi ro rò rỉ thông tin tài chính hạn chế, nhất là trong các DNNVV. Mặc dù đã sử dụng chữ ký số trong kê khai thuế, HĐĐT, giao dịch ngân hàng nhưng một số nhân viên còn bị động; lưu trữ số liệu kế toán trên Cloud chưa phổ biến. Nhiều DN, nhất là các DN nhỏ vẫn sử dụng USB/Excel cục bộ; rất hạn chế trong việc tích hợp phần mềm quản trị (kho hàng, bán hàng); hầu như chưa sử dụng công cụ số để phân tích dữ liệu, chỉ có khoảng 5% DN thực hiện;

Thứ ba, *về mức độ số hóa dữ liệu và quy trình.*

Mức độ số hóa dữ liệu và quy trình CĐS thể hiện theo 4 mức độ từ thấp đến cao. Từ 0-4.

Mức độ 0: thể hiện ghi chép kế toán thủ công hoặc Excel đơn lẻ: ở mức độ này chủ yếu là các doanh nghiệp siêu nhỏ đang thực hiện;

Mức độ 1: thể hiện việc sử dụng phần mềm kế toán đơn giản, không tích hợp. Ở mức độ này, tất cả (100% DN) đã và đang sử dung;

Mức độ 2: thể hiện sự tích hợp cục bộ, kế toán đã kết nối với HĐĐT, thuế điện tử. Mức độ này có khoảng trên 98% DN thực hiện;

Mức độ 3: thể hiện sự quản lý tập trung: tích hợp phần mềm kế toán với quản trị kho, bán hàng, nhân sự…mức độ này có khoảng trên 25% DN thực hiện;

Mức độ 4: số hóa toàn diện (ERP): Sử dụng hệ thống ERP, dữ liệu tập trung, phân tích tự động; mức độ này có khoảng từ 15-18% doanh nghiệp thực hiện, chủ yếu là các doanh nghiệp lớn.

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết DN siêu nhỏ hiện đang ở mức 0-1 (ghi chép bằng tay hoặc excel đơn lẻ hoặc sử dụng phần mềm kế toán đơn giản); trên 98% DN thực hiện CĐS ở mức độ 2 (tích hợp cục bộ), các DN này đã có sự kết nối giữa kế toán với HĐĐT, thuế điện tử; thực hiện việc lập HĐĐT, kê khai, nộp thuế điện tử, đảm bảo sự chính xác và nhanh chóng trong việc khai thuế, nộp thuế và báo cáo thuế; ở mức 3 (quản lý tập trung) có 25% DN thực hiện. Mức độ này đã có sự tích hợp phần mềm kế toán với quản lý kho, bán hàng và quản lý nhân sự…, tạo điều kiện cho các DN quản lý hiệu quả hơn, đảm bảo độ chính xác, kịp thời cung cấp dữ liệu cho việc ra quyết định của nhà quản trị cấp cao. Ở mức độ 4 (số hóa hoàn toàn), chỉ có khoảng 15%-18% DN thực hiện. Đây chủ yếu là những DN có quy mô lớn, đội ngũ lãnh đạo có quyết tâm cao, có kế hoạch cụ thể trong CĐS và có đội ngũ nhân viên kế toán có chuyên môn kế toán và trình độ công nghệ khá tốt;

2. Đánh giá thực trạng chuyển đổi số trong hệ thống kế toán của doanh nghiệp Việt Nam

**** Kết quả đạt được***

Một là, thực hiện chủ trương đẩy mạnh CĐS của Chính phủ, nhiều DN đã thực hiện kế hoạch và triển khai phổ biến các phần mềm kế toán (MISA, FAST, Bravo…; triển khai rộng rãi HĐĐT, khai thuế, nộp thuế, nộp BHXH điện tử… Do đó, công tác quản lý tài chính đạt hiệu quả tốt hơn.

Hai là, các DN đã từng bước số hóa quy trình trong việc lập chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán và lập BCTC; lưu trữ chứng từ điện tử, kết nối dữ liệu với cơ quan thuế, ngân hàng, KBNN, góp phần thực hiện công tác thanh toán nhanh, chính xác, kịp thời, giảm chi phí…

Ba là, với việc sử dụng các công nghệ hiện đại trong thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin tài chính cho các đối tượng có liên quan, CĐS góp phần đảm bảo độ chính xác, kịp thời của số liệu kế toán, phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị trong DN; đảm bảo việc kết nối với hệ thống ngân hàng, cơ quan thuế, BHXH, KBNN, khách hàng và các đối tác liên quan, tạo nền tảng trong thanh toán thuận lợi, nhanh chóng, chính xác.

Hạn chế

Một là, sự hiểu biết về CĐS của không ít DN còn nhiều hạn chế, dẫn đến việc không có kế hoạch, chiến lược áp dụng trong kế toán; lãng phí nguồn lực hoặc áp dụng không hiệu quả; không xây dựng được hướng đi và lộ trình hợp lý cho DN;

Hai là, hạ tầng công nghệ tại nhiều DN còn lạc hậu trong khi đó, nguồn tài chính còn thiếu thốn: hệ thống máy tính, máy chủ, thiết bị lưu trữ lạc hậu, cấu hình thấp, thiếu các dụng cụ chuyên dụng cho bảo mật, kết nối và quản lý dữ liệu…; đường truyền chưa ổn định, tốc độ chậm; chưa ứng dụng ERP, CRM hay các nền tảng quản trị tích hợp; thiếu kho dữ liệu tập trung và các công cụ phân tích dữ liệu hiện đại, gây khó khăn trong việc triển khai CĐS;

Ba là, trình độ, kỹ năng công nghệ của nhân sự kế toán chưa cao, thiếu kỹ năng số cơ bản nên hạn chế trong việc triển khai. Chi phí đầu tư lớn, là rào cản không nhỏ đối với đại bộ phận DN; dòng tiền chủ yếu được sử dụng cho kinh doanh ngắn hạn, ít có dư địa đầu tư dài hạn vào công nghệ… dẫn đến hệ thống công nghệ của các DN này thường chắp vá, lạc hậu, thiếu tính bảo mật và khó mở rộng;

Bốn là, nhiều doanh nghiệp chưa tận dụng được tính năng phân tích tài chính, dự báo; chưa tích hợp dữ liệu khách hàng, bán hàng, kế toán, nhân sự bởi chủ yếu sử dụng các phần mềm đơn giản. thiếu nhân lực chuyên môn cao, không có đội ngũ phân tích dữ liệu;

3. Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong hệ thống kế toán của các DN Việt Nam

Một là, Nhà nước cần rà soát để chỉnh sửa, xây dựng khung pháp lý, các chính sách mới phù hợp, đồng thời có sự hỗ trợ thiết thực về mặt tài chính và chi phí cho công tác CĐS của các DN, đặc biệt là đối với DNNVV.

Trước hết, cần đơn giản hóa thủ tục hỗ trợ, giảm bớt các rào cản hành chính để DN dễ dàng tiếp cận các gói hỗ trợ CĐS; xây dựng tiêu chuẩn kế toán số thông qua việc phát triển các bộ tiêu chuẩn dữ liệu kế toán số thống nhất, đồng bộ giữa DN-Cơ quan Thuế-Ngân hàng- Cơ quan Quản lý; có chính sách khuyến khích DN ứng dụng ERP, phần mềm kế toán đám mây, tích hợp khai thuế điện tử, nộp thuế điện tử và cung cấp các tài liệu hướng dẫn cụ thể cho kế toán tại các DN; hỗ trợ về tài chính và chi phí cho các DN, ưu tiến hơn đối với DNNVV thông qua chương trình tín dụng ưu đãi hoặc quỹ hỗ trợ CĐS cho DN trong lĩnh vực kế toán, tài chính; miễn, giảm thuế cho các DN đầu tư phần mềm kế toán, hạ tầng CNTT phục vụ số hóa dữ liệu; hỗ trợ chi phí cho sử dụng các dịch vụ phần mềm kế toán điện tử trong giai đoạn đầu của quá trình CĐS tại DN; phát triển hạ tầng công nghệ và dữ liệu dùng chung theo mô hình điện toán đám mây, tạo điều kiện cho các DN tiếp cận với chi phí phù hợp; đảm bảo an toàn, an ninh hệ

thống mạng, bảo mật dự liệu kế toán theo tiêu chuẩn quốc gia; khuyến khích kết nối dữ liệu kế toán với hệ thống ngân hàng, KBNN, thuế, hải quan, BHXH; tăng cường giám sát, đánh giá và thúc đẩy quá trình thực hiện CĐS; có sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan liên quan đến việc thực hiện các quy định của Nhà nước trong công tác CĐS như việc sử dụng HĐĐT, chứng từ kế toán số, lưu trữ chứng từ kế toán…; xây dựng bộ chỉ số đánh giá mức độ CĐS trong kế toán của DN để theo dõi tiến độ và đôn đốc các DN thực hiện; có chế độ khen thưởng kịp thời đối với những DN đi đầu trong việc áp dụng kế toán số.

Hai là, các DN cần nâng cao nhận thức và tư duy về CĐS, coi CĐS không chỉ là ứng dụng công nghệ đơn thuần mà là chiến lược lâu dài; cần xây dựng lộ trình chuyển đổi trong kế toán phù hợp với điều kiện cụ thể của mình. Trước hết, cần bắt đầu bằng việc đánh giá hiện trạng của DN; xác định mục tiêu rõ ràng và lựa chọn giải pháp công nghệ phù hợp; ưu tiên số hóa các quy trình cốt lõi trong quy trình kế toán của DN, tập trung vào những nghiệp vụ kế toán then chốt như kế toán quản lý doanh thu, chi phí, giá thành và kết quả kinh doanh, quản lý hàng tồn kho, lập, trình bày và phân tích BCTC…;

Ba là, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho nhân viên kế toán của DN. Tăng cường đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, kết hợp với các viện nghiên cứu, trường đại học, hội nghề nghiệp để thiết lập những khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho nhân viên, khuyến khích văn hóa học hỏi công nghệ mới; đổi mới tư duy theo hướng tư duy khách hàng số, hướng đến nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua nền tảng số như: bán hàng online, chăm sóc khách hàng trực tuyến…

Bốn là, đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin; trang bị hệ thống máy chủ, đường truyền internet ổn định, phần mềm quản trị phù hợp; ứng dụng các công nghệ số mới như ERP, CRM, kế toán số, HĐ ĐT, chữ ký số, Big Data, công nghệ đám mây, robot…;

Năm là, số hóa quy trình nội bộ; quản trị nhân sự, kế toán, sản xuất, bán hàng theo hướng tự động hóa; thu thập, khai thác dữ liệu thị trường và khách hàng; phân tích để ra các quyết định kinh doanh nhanh chóng và tối ưu; tham gia sàn thương mại điện tử, xây dựng website, kết nối mạng xã hội để mở rộng thị trường…

Sáu là, hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ để nhận được sự tư vấn, triển khai các giải pháp cụ thể về CĐS nhằm đẩy nhanh mức độ và nâng cao hiệu quả CĐS trong toàn DN nói chung và trong hệ thống kế toán của DN nói riêng.

Bảy là, để CĐS trong các DN nói chung và trong hệ thống kế toán của DN nói riêng đạt được hiệu quả cao, các cơ sở giáo dục đại học, cần xây dựng chiến lược đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp về CĐS; phải khảo sát nhu cầu nhân lực số của DN để thiết kế nội dung, chương trình đào tạo phù hợp; cập nhật chiến lược đào tạo theo xu hướng công nghệ mới, hiện đại (AI, Big Data, IoT, Blockchain, điện toán đám mây…); tăng cường kết nối nhà trường với doanh nghiệp; đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo. Tích hợp kiến thức và kỹ năng CĐS vào các ngành đào tạo như Kế toán số, marketing số, quản trị dữ liệu…; phát triển các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn, linh hoạt về kỹ năng số, kỹ năng quản trị công nghệ…; ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy như: gảng trực tuyến, mô phỏng, thực tế ảo; nâng cao năng lực số cho giảng viên, nghiên cứu viên và cán bộ quản lý. Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng giảng dạy số cho giảng viên; khuyến khích giảng viên nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới trong giảng dạy và quản lý; xây dựng đội ngũ chuyên gia, cố vấn công nghệ hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi số; tăng cường hợp tác giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp. Liên kết đào tạo - thực tập - nghiên cứu chung với các DN để sinh viên được trải nghiệm thực tế số hóa; mời chuyên gia tham gia giảng dạy, hội thảo khoa học, hướng dẫn luận văn; kết hợp với các DN mở phòng thực hành số, phòng lab công nghệ; Đầu tư hệ thống quản lý học tập, học liệu số, thư viện, giáo trình điện tử; số hóa quy trình quản lý, đào tạo, đánh giá sinh viên; kết nối dữ liệu đào tạo với cơ quan quản lý và doanh nghiệp để theo dõi năng lực của người học; tăng cường đào tạo kỹ năng mềm và tư duy số cho người học. Bổ sung kỹ năng phản biện, sáng tạo, làm việc nhóm trong môi trường số; đào tạo văn hóa số, an toàn thông tin; khuyến khích tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo dựa trên nền tảng công nghệ

Kết luận

Trong bối cảnh CĐS đã trở thành quá trình tất yếu đối sự phát triển bền vững của các nền kinh tế trên toàn thế giới. Việc nghiên cứu thực trạng CĐS trong hệ thống kế của các dpanh nghiệp Việt Nam, từ đó đề xuất giải pháp thúc đẩy CĐS là yêu cầu cần thiết và mang tính thời sự, Tùy vào điều kiện cụ thể ở mỗi lĩnh vực sản xuất kinh doanh, để thực hiện các giải pháp phù hợp và đồng bộ nhằm phát huy được hiệu quả tích cực.

Ghi chú: *Bài viết phản ảnh một phần kết quả nghiên của đề tại cấp cơ sở Học viện Tài chính năm 2026.*

Tài liệu tham khảo:

ACCA-IMA (2013), Digital Darwinism: Thriving in the Face of Technology Change November 2013, www.accaglobal.com.bigdata.

Shan, Y.G & Troshani, I. (2021), Digital coporate reporting and value relevance: Evidence from the US and Japan. Internationl Journal of Managerial Finance, 17 (2),256-281.

Ngô Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Thanh Huyền (2023), Chuyển đổi số trong kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực thương mại - dịch vụ: Thực trạng và giải pháp", Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán số Kỳ 1/5/2026.